

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 37/TTr-SNN ngày 16/4/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc hỗ trợ

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 43/2017/TT-BTC) gồm: Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; Hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tem nhãn, bao bì đóng gói sản phẩm, truy xuất nguồn gốc; Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; Hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải rắn, cải tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng: Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến việc thực hiện nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ một lần cho các nội dung quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quyết định này.

b) Nằm trong kế hoạch giao vốn hàng năm, hỗ trợ sau khi hoàn thành nội dung hỗ trợ và được đánh giá nghiệm thu.

Điều 2. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Phải lập dự án (dự án xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị mới hoặc dự án củng cố, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm đã có) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên các dự án có quy trình sản xuất sạch, an toàn, ứng dụng công nghệ cao, quy mô nhiều xã, phục vụ cho mục tiêu mỗi xã một sản phẩm.

b) Dự án phải nằm trong vùng quy hoạch sản xuất tập trung, có quy mô tối thiểu đối với từng đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản được quy định theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

c) Có hợp đồng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm (bằng văn bản) giữa doanh nghiệp, Hợp tác xã với Hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, cá nhân (hoặc thông qua đại diện của trang trại, hộ gia đình, cá nhân).

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp tốt (VietGap, GlobalGap) thuộc danh mục các sản phẩm sau:

Sản phẩm rau, củ, quả thực phẩm, cây ăn quả mức hỗ trợ 05 triệu đồng/ha, nhưng không quá 100 triệu đồng/dự án;

Sản phẩm chăn nuôi là gia cầm, dê, trâu, bò, ngựa mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/dự án;

Sản phẩm thủy sản là cá mức hỗ trợ 6,5 triệu đồng/ha, nhưng không quá 65 triệu đồng/dự án.

b) Hỗ trợ 50% giá mua giống đạt tiêu chuẩn chất lượng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá quy định dưới đây:

Giống rau, củ, quả thực phẩm: 200 triệu đồng/dự án;

Giống hoa: 300 triệu đồng/dự án;

Giống cây ăn quả: 200 triệu đồng/dự án;

Giống gia cầm, dê, trâu, bò, ngựa: 250 triệu đồng/dự án;

Giống cá: 120 triệu đồng/dự án.

c) Hỗ trợ đầu tư liên quan đến dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng nhà sơ chế, đóng gói hoặc kho bảo quản sản phẩm; diện tích xây dựng nhà sơ chế, đóng gói tối thiểu 100 m² hoặc kho bảo quản tối thiểu 80 m³, nhưng không quá 200 triệu đồng/dự án.

Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà lưới, nhà màng phục vụ sản xuất theo quy mô, mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2020.

Điều 3. Hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tem nhãn, bao bì đóng gói sản phẩm, truy xuất nguồn gốc

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

b) Sản phẩm hỗ trợ được quy định tại điểm b và c, khoản 2, Điều 3 Quyết định này phải có Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhãn hiệu tập thể, nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm.

b) Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm, nhưng không quá 200 triệu đồng/sản phẩm.

c) Hỗ trợ 50% chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm.

Điều 4. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Phải lập dự án đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất để nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm, không gây ô nhiễm môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các ngành nghề nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Mua máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất. Hỗ trợ 50%, nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

Điều 5. Hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải rắn, cải tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Hỗ trợ nội dung quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quyết định này phù hợp với Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 28/12/2017.

b) Hỗ trợ nội dung quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Quyết định này đối với các thôn triển khai thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng khu thu gom rác của xã tại các xã đặc biệt khó khăn, các làng nghề truyền thống, làng nghề được công nhận thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, nhưng không quá 600 triệu đồng/khu thu gom.

b) Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây (hoa, cây bóng mát, cây trồng hàng rào xanh) trồng dọc các tuyến đường theo quy hoạch tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, nhưng không quá 30 triệu đồng/thôn.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động khác.

2. Trong trường hợp cùng thời điểm, một nội dung có nhiều nguồn hỗ trợ từ các chương trình, đề án, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các nội dung tại Quyết định này. Tổ chức chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các địa phương trong quá trình thực hiện.

b) Xây dựng phương án phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm để thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này gửi sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thẩm định phương án phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các huyện, thành phố và các đơn vị trong việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo đúng quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong thực hiện xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tem nhãn, bao bì đóng gói sản phẩm, truy xuất nguồn gốc.

5. Các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Quyết định này trong phạm vi quản lý nhà nước thuộc ngành.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung và mức hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân biết và đăng ký thực hiện. Hàng năm, tổng hợp nội dung đề xuất hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước 30/10 của năm trước năm kế hoạch.

b) Chỉ đạo các đơn vị được hỗ trợ sử dụng kinh phí và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng mục đích, chế độ quy định. Chủ động cân đối bố trí kinh phí địa phương để hỗ trợ thêm cho các đơn vị thực hiện Quyết định này.

c) Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm về sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh uỷ; TT. HDND;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, Trung tâm Thông tin, các phòng CV;
- + Lưu VT, NN Thăng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Văn Thái

PHỤ LỤC

Quy mô tối thiểu đối với Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08 /2018/QĐ-UBND

ngày 02 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)



	Loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Đơn vị tính	Quy mô tối thiểu
1	Rau, củ, quả thực phẩm	Ha	≥ 05 ha
2	Cây hoa	Ha	≥ 01 ha
3	Cây ăn quả	Ha	≥ 10 ha
5	Cá	Ha	≥ 05 ha
6	Gia cầm, dê, trâu, bò, ngựa	Con	7.000 con gia cầm hoặc 200 con dê hoặc 100 con bò hoặc 100 con trâu hoặc 100 con ngựa